

BỘ CÔNG THƯƠNG
Số: 08/2020/TT-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2020

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2020/TT-BCT

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2020

THÔNG TƯ

Quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

Thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba ký ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba (sau đây gọi là Hiệp định).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).
2. Thương nhân.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến xuất xứ hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu theo Hiệp định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Theo quy định tại Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chuyển đổi nhóm* là việc nguyên vật liệu không có xuất xứ được sử dụng trong quá trình sản xuất phải chuyển đổi mã HS ở cấp độ 4 số.
2. “*Chương*”, “*Nhóm*” và “*Phân nhóm*” là các Chương (2 số), Nhóm (4 số) và Phân nhóm (6 số) được sử dụng trong danh mục của Hệ thống Hải hòa mô tả và mã hóa hàng hóa, trong Thông tư này được hiểu là “Hệ thống Hải hòa” hay “HS”.
3. *Trị giá CIF* là trị giá hàng hóa nhập khẩu đã bao gồm cước vận tải và phí bảo hiểm tính đến cảng hoặc cửa khẩu của nước nhập khẩu. Trị giá này được tính theo Hiệp định Trị giá Hải quan.
 4. “*Được phân loại*” là sự phân loại hàng hóa hoặc nguyên liệu theo Chương, Nhóm hay Phân nhóm cụ thể của Hệ thống Hải hòa.
 5. *Cơ quan có thẩm quyền* là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý và giám sát thực thi các quy định của Hiệp định:
 - a) Tại Cuba, Bộ Công thương và Bộ Tài chính cùng phối hợp.
 - b) Tại Việt Nam, Bộ Công Thương.
 6. *Cơ quan Hải quan* là cơ quan thực hiện theo luật pháp của mỗi nước, chịu trách nhiệm về quản lý và thực thi quy định và luật hải quan:
 - a) Tại Cuba, Tổng cục Hải quan.
 - b) Tại Việt Nam, Tổng cục Hải quan Việt Nam.
 7. *Ngày* là ngày làm việc, không tính thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ.

8. *Trị giá FOB* là trị giá hàng hóa đã giao qua mạn tàu, bao gồm phí vận tải đến cảng hoặc địa điểm cuối cùng trước khi tàu chở hàng rời bến. Trị giá này được tính theo Hiệp định Trị giá Hải quan.

9. *Nguyên liệu giống nhau và có thể thay thế lẫn nhau* là nguyên liệu có thể dùng thay thế lẫn nhau vì mục đích thương mại, có thuộc tính cơ bản giống nhau và không thể phân biệt bằng mắt thường.

10. *Hàng hóa* là nguyên liệu hoặc sản phẩm, có thể có xuất xứ thuần túy ngay cả khi được sử dụng làm nguyên liệu trong quá trình sản xuất hàng hóa khác.

11. *Hệ thống Hải hòa* là hệ thống tiêu chuẩn hóa quốc tế về tên và mã số cho việc phân loại hàng hóa thương mại. Hệ thống này được xây dựng và duy trì bởi Tổ chức Hải quan.

12. *Nguyên liệu trung gian* là nguyên liệu được sử dụng trong quá trình sản xuất ra hàng hóa tiếp theo và có các đặc tính cho phép bán ra thị trường độc lập với hàng hóa cuối cùng.

13. *Nguyên liệu* là nguyên liệu thô, vật tư, nguyên liệu trung gian và linh kiện được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa.

14 *Vật liệu đóng gói và bao bì đóng gói để vận chuyển* là hàng hóa được sử dụng để bảo vệ một hàng hóa khác trong suốt quá trình vận chuyển mà không phải là vật liệu đóng gói và bao bì đóng gói chứa đựng hàng hóa dùng để bán lẻ.

15. *Sản xuất* là phương pháp làm ra hàng hóa, bao gồm nhưng không giới hạn việc cấy, gây giống, chăn nuôi, khai thác, thu hoạch, đánh bắt, săn bắn, săn bắt, nuôi trồng thủy sản, thu lượm, sản xuất, gia công, lắp ráp hoặc tháo dỡ hàng hóa.

16. *Cơ quan, tổ chức cấp C/O* là cơ quan tổ chức thuộc hoặc không thuộc chính phủ, được cơ quan có thẩm quyền ủy quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa:

a) Tại Cuba, Phòng Thương mại và Công nghiệp.

b) Tại Việt Nam, các cơ quan, tổ chức được ủy quyền.

17. *Bộ hàng hóa* là sản phẩm được ghép thành bộ nhằm sử dụng theo mục đích nhất định, được đóng gói để bán lẻ và phân loại theo Quy tắc 3 của Hệ thống Hải hòa.

18. *Báo cáo xác minh xuất xứ* là văn bản do cơ quan Hải quan hoặc tổ chức cấp C/O thể hiện kết quả xác minh xuất xứ hàng hóa.

Điều 4. Quy định chứng nhận và kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa

1. Ban hành kèm theo Thông tư này các Phụ lục:

a) Phụ lục I: Quy tắc cụ thể mặt hàng.

b) Phụ lục II: Mẫu C/O mẫu VN-CU.

c) Phụ lục III: Hướng dẫn kê khai C/O xuất khẩu mẫu VN-CU.

d) Phụ lục IV: Danh mục các cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu VN-CU của Việt Nam.

2. Quy tắc cụ thể mặt hàng quy định tại Phụ lục II Thông tư này bao gồm các mặt hàng trong biểu thuế quy định tại Hiệp định.

3. Danh mục các cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu VN-CU của Việt Nam được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này và được cập nhật tại Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn.

4. Quy trình chứng nhận và kiểm tra xuất xứ hàng hóa thực hiện theo quy định tại Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa và các quy định tại các Thông tư có liên quan.

CHƯƠNG II

CÁCH XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ HÀNG HÓA

Điều 5. Hàng hóa có xuất xứ

Hàng hóa được coi là có xuất xứ nếu hàng hóa đó:

1. Có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của Nước thành viên đó.

2. Được sản xuất toàn bộ chỉ từ nguyên liệu có xuất xứ tại lãnh thổ của Nước thành viên đó.

3. Được sản xuất từ nguyên liệu không có xuất xứ với điều kiện các nguyên liệu này trải qua quá trình sản xuất thực hiện hoàn toàn tại lãnh thổ của một Nước thành viên và hàng hóa được phân loại khác nhóm với nhóm của nguyên liệu.

4. Đáp ứng tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực (RVC) không thấp hơn X% trị giá FOB xuất khẩu của hàng hóa cuối cùng. Quy định tại khoản này được áp dụng trong trường hợp hàng hóa không đáp ứng các quy định tại khoản 3 Điều này do quá trình sản xuất không liên quan đến việc chuyển đổi nhóm đối với tất cả nguyên liệu không có xuất xứ.

5. Được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một Nước thành viên từ nguyên liệu không có xuất xứ với điều kiện hàng hóa đáp ứng các tiêu chí cụ thể tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Quy định tại khoản này được áp dụng trong trường hợp hàng hóa không đáp ứng quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 6. Hàng hóa có xuất xứ thuần túy

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này, hàng hóa được coi là có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một hay nhiều Nước thành viên theo một trong các trường hợp sau:

1. Khoáng sản được chiết xuất tại lãnh thổ của một Nước thành viên.
2. Sản phẩm từ cây trồng được thu hoạch, hái hoặc thu lượm tại lãnh thổ của một Nước thành viên.
3. Động vật sống được sinh ra và nuôi dưỡng tại lãnh thổ của một Nước thành viên.
4. Sản phẩm thu được từ săn bắt, đánh bắt, thu hoạch, nuôi trồng thủy hải sản hoặc đánh bắt tại lãnh thổ của một Nước thành viên.
5. Cá, động vật có vỏ và sinh vật biển khác lấy từ biển nằm ngoài lãnh thổ của các Nước thành viên bằng tàu thuộc sở hữu hoặc đăng ký bởi công ty đăng ký thành lập tại lãnh thổ của một Nước thành viên, với điều kiện tàu được đăng ký hoặc có ghi hồ sơ tại một Nước thành viên và treo cờ của Nước thành viên đó.
6. Hàng hóa thu được hoặc sản xuất từ cá, động vật có vỏ và sinh vật biển khác trên tàu được sở hữu hoặc đăng ký bởi công ty đăng ký thành lập tại lãnh thổ của một